

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 03/2018/DS-ST

Ngày: 28 - 3 - 2018

V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến
2. Bà Bùi Thị Thiềm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2018/TLST - DS ngày 08 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty N

Địa chỉ: Số X, đường H, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Ngọc S, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số X, đường H, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Giấy ủy quyền ngày 06/01/2018), có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà H'B, sinh năm 1970

Địa chỉ : Buôn D, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/12/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hà Ngọc S trình bày:

Ngày 15/6/2017 Công ty N (sau đây viết tắt là Công ty) bán cho bà H'B 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JANUS màu xám, số máy 028398, số khung 028389, số BH 2310, giá bán 33.500.000^d. Bà H'B đã trả Công ty 13.500.000^d, còn nợ công ty 20.000.000^d. Bà H'B có lắp thêm một số phụ kiện giá 1.260.000^d,

kẹp biển số 130.000^d, mua bảo hiểm 1 năm cho xe máy 80.000^d. Tổng số tiền bà H'B nợ Công ty 21.470.000^d. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả tiền vào ngày 25/6/2017 nếu sai hẹn phải trả lãi với lãi suất 2,75% tháng, đến ngày 05/7/2017 bà H' B đã trả Công ty 8.000.000^d. Như vậy bà H'B còn nợ lại công ty 13.470.000^d. Công ty yêu cầu Tòa án buộc bà H'B phải trả công ty số tiền 13.470.000^d và về tiền lãi yêu cầu bà H'B phải trả với suất 1%/tháng trên số tiền gốc 13.470.000^d còn nợ (từ ngày 05/7/2017 đến ngày 18/01/2018) tính tròn 07 tháng là 943.000^d, ngoài ra công ty không yêu cầu gì thêm.

Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn bà H'B trình bày tại bản tự khai ngày 17/01/2018 như sau: Bà có mua của Công ty N 01 chiếc xe mô tô hiệu JANUS với giá bán 33.500.000đ. Bà đã trả Công ty 13.500.000^d, còn nợ 20.000.000^d. Đến ngày 05/7/2017 bà trả Công ty 8.000.000đ. Bà xác định còn nợ công ty 13.470.000đ, vì gia đình gặp nhiều khó khăn, hẹn trả nợ vào tháng 3 và lấy giấy tờ xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà H'B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ do bị đơn mua bán xe mô tô của nguyên đơn, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản, quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cú trú tại buôn D, xã E , huyện K, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk;

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn Công ty N khởi kiện yêu cầu bị đơn H'B phải thanh toán số tiền còn nợ 13.470.000^d và tiền lãi là 943.000^d và xuất trình giấy nhận nợ gốc, có nội dung vào ngày 15/6/2017 Công ty bán cho bà H' B chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JANUS màu xám, số máy 028398, số khung 028389, số BH 2310 với giá bán 33.500.000^d. Ngoài ra, bà H'B có lắp thêm một số phụ kiện giá 1.260.000^d, kẹp biển số 130.000^d, mua bảo hiểm 1 năm cho xe máy 80.000^d, khi mua đã thanh toán được số tiền 13.500.000^d, bà H'B còn nợ Công ty 21.470.000^d, hạn trả nợ là ngày 25/6/2017. Đến ngày 05/7/2017, bà H'B trả Công ty số tiền 8.000.000^d. Như vậy, bà H'B còn nợ Công ty số tiền 13.470.000^d. Bị đơn bà H'B thừa nhận còn nợ công ty số tiền 13.470.000^d, quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận ngày 25/6/2017 bà H'B chưa trả hết nợ cho công

ty là vi phạm nghĩa vụ trả trả tiền của người mua quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự 2015. Công ty N khởi kiện yêu cầu bà H'B phải thanh toán số tiền gốc còn nợ 13.470.000^d là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tiền lãi: Trong giấy nhận nợ các bên có thỏa thuận nếu bên mua vi phạm thời hạn trả nợ phải chịu lãi suất 2,75% tháng. Tuy nhiên, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi với lãi suất 1%/tháng kể từ ngày vi phạm thời hạn trả nợ ngày 06/7/2017 đến ngày 18/01/2018 (làm tròn 07 tháng) là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 440 và Điều 357 BLDS 2015, nên cần chấp nhận. số tiền lãi bị đơn phải trả nguyên đơn là $[13.470.000đ \times 1\% \times 07 \text{ tháng}] = 943.000^d$.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn bà H'B phải chịu án phí DSST là 720.000^d.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn 336.500^d tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty N

Buộc H' B phải trả cho Công ty N số tiền 14.413.000^d (mười bốn triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng) trong đó: Nợ gốc là 13.470.000^d và tiền lãi là 943.000^d.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Buộc bà H'B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 720.000^d (bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho Công ty N số tiền tạm ứng án phí 336.500^d đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, theo biên số: 0004171 ngày 04 tháng 01 năm 2018.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện, VKS tỉnh;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên